

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/6/2022

V/v: Xin ly hôn Th – N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1980;

HKTT: Thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình; Hiện đang ở: Phòng 2304, H2A, chung cư E, phố Đ, phường K, quận H, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị Th có mặt, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44 ngày 13/12/1999. Sau khi kết hôn chị và anh N chung sống tại gia đình nhà anh N ở thôn T1, xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống nên không cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên va chạm dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn nhiều nên anh chị đã không chung sống cùng nhau từ 2012 đến nay, sau khi ly thân chị về nhà mẹ đẻ ở xã T3, huyện T sinh sống rồi đi làm ăn trên Hà Nội còn anh N vẫn

ở tại địa phương. Nay chị xác định tình cảm không còn, đời sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nghĩa.

- Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 15/3/2001 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 27/11/2007. Hiện tại con Nguyễn Gia M đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Con Nguyễn Thị Thùy L đang ở cùng anh N. Ly hôn chị đồng ý để anh N trực tiếp nuôi dưỡng con L, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh Nghĩa mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con L tròn 18 tuổi. Trong thời kỳ hôn nhân chị có sinh con Trần Bảo N1 (tên giả định do cháu chưa làm được giấy khai sinh), sinh ngày 21/9/2016 nhưng không phải là con chung của chị và anh N. Chị đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Viện pháp y quốc gia để xác định cháu Trần Bảo N1 (tên giả định) và anh N không có quan hệ huyết thống cha con. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con N1, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng cho anh N đối với cháu N1, và chi phí trưng cầu giám định chị tự nguyện nộp và không yêu cầu anh N phải chịu.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Na không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo bản tự khai 11/5/2022 và các đơn trình bày, bị đơn anh Nguyễn Quang N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không ở được với nhau, bản thân chị Th có phần thiếu trách nhiệm đối với gia đình và có quan hệ phức tạp với những người đàn ông khác, không thể hiện đúng vai trò làm vợ, làm mẹ. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5 năm 2012 và từ đó đến nay anh chị không có bất kỳ liên hệ hay phát sinh quan hệ sinh lý lần nào. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Th có hai con chung như chị Th trình bày. Hiện tại con Nguyễn Gia M đã thành niên và đi làm nên anh không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Con Nguyễn Thị Thùy L đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con L, chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 1.500.000 đồng. Trong thời kỳ hôn nhân chị Th có sinh bé Trần Bảo N1 (tên giả định), sinh ngày 21/9/2016 nhưng không phải là con chung của chị Th và anh. Chị Th đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Viện pháp y quốc gia, anh nhất trí và cũng đã được thông báo kết quả giám định, anh đồng ý với kết quả giám định cháu Trần Bảo N1 và anh không có quan hệ huyết thống

cha con. Ly hôn, anh đề nghị xác định cháu N1 không phải là con chung của anh và chị Th trong thời kỳ hôn nhân, để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng bé Trần Bảo N1 (tên giả định), không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng cho anh đối với cháu Trần Bảo N1. Về chi phí trưng cầu giám định chị Th tự nguyện nộp và không yêu cầu anh phải chịu chi phí giám định, anh nhất trí không có ý kiến gì.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Th không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Vì lý do công việc anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Quang N; Về quan hệ con chung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình xác định trong thời kỳ hôn nhân chị Th và anh N có 02 con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 15/3/2001 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 27/11/2007. Hiện tại con Nguyễn Gia M đã thành niên và đi làm nên không đặt ra giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Thị Thùy L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh N mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xác định cháu Trần Bảo N1 (tên giả định) không phải là con chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Th và anh N, giao cháu N1 cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh N không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và chi phí trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh N đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quang N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Th xin được ly hôn anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Th và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44 ngày 13/12/1999. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong đời sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, khác biệt quá lớn về cách sống, không cùng suy nghĩ với nhau dẫn đến đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng chị Th và anh N đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, hai bên không hỏi han, không còn quan tâm đến nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, anh N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th xin ly hôn anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh N là có thật và đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Th được ly hôn anh N là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con trong thời kỳ hôn nhân: Chị Th và anh N đều xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 15/3/2001 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 27/11/2007. Cháu M đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu L có nguyện vọng được ở với anh N và từ trước đến nay cháu L ở với anh N đều phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, căn cứ vào nguyện vọng của con L và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử thấy giao con Nguyễn Thị Thùy L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh N mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi là phù hợp với thực tế và quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.1] Đối với cháu Trần Bảo N1 (tên giả định do chưa làm được giấy khai sinh), sinh ngày 21/9/2016 chị Th và anh N đều xác định không phải là con chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình tham gia tố tụng, chị Th đề nghị Tòa án trưng cầu giám định tại Viện pháp y quốc gia. Tại bản kết luận giám định số 228/22/TC-AND ngày 20/5/2022 của Viện pháp y quốc gia kết luận: “Anh Nguyễn Quang N không có quan hệ huyết thống cha con với cháu Trần Bảo N1, chị Phạm Thị Th có quan hệ huyết thống mẹ con với cháu Trần Bảo N1, độ tin cậy 99,9999%”.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Cháu Trần Bảo N1 (tên giả định), sinh ngày 21/9/2016 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Th và anh N nhưng không phải là con chung của chị Th và anh N. Căn cứ vào các điều 81, 88 Luật hôn nhân và gia đình xác định cháu Trần Bảo N1 không phải là con chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Th và anh N, giao cháu Trần Bảo N1 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Bảo N1.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Th và anh N đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về chi phí tố tụng: Chị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định 11.460.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) và không yêu cầu anh N phải chịu chi phí giám định. Xét đề nghị của chị Th là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Quang N.

2. Về con trong thời kỳ hôn nhân: Chị Th và anh N có 02 con chung là Nguyễn Gia M, sinh ngày 15/3/2001 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 27/11/2007; Hiện tại con Nguyễn Gia M đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết. Giao con Nguyễn Thị Thùy L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh N mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

Cháu Trần Bảo N1 (tên giả định), sinh ngày 21/9/2016 không phải con chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Th và anh N, giao cháu Trần Bảo N1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Bảo

N1.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định 11.460.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), chị Phạm Thị Th đã thực hiện xong.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, chuyển số tiền 300.000đ chị Th đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004141 ngày 11/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí, chị Th còn phải thi hành 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Th có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/6/2022. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T2 (Nơi ĐKKH);
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh